TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 8 – 2019
"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.

2. Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Tăng Thị T**.

Địa chỉ: Số 0x, đường số x, Khu T, Khóm Y, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn*: Ông **Quách Tấn L**.

Địa chỉ: Số oy, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt).

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Tăng Thị T trình bày:

Bà Tăng Thị T và ông Quách Tấn L tổ chức lễ cưới vào năm 1989 và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Ông, bà

không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Nay bà T yêu cầu Tòa án công nhận bà với ông L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông L có hai người con chung tên Quách Tăng Thị P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1990 và Quách Tăng V, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1995. Các con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Quách Tấn L trình bày:

Ông L thống nhất với bà T về thời gian sống chung như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông, bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà T thường xuyên vắng nhà, không chăm lo gia đình, trong khi ông L là lao động chính tạo thu nhập nuôi cả gia đình. Ông, bà không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Ông đồng ý ly hôn với bà T.

Ông L với bà T có hai người con chung tên Quách Tăng Thị P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1990 và Quách Tăng V, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1995. Các con đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận bà T với ông L là vợ chồng; các con chung đã trưởng thành, đồng thời các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông L là vợ chồng, do ông L cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên đây là vụ án ly hôn, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự thống nhất về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn; về con chung; tài sản chung và nợ chung, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng sự thật.

[2.1] Bà T và ông L đều cho rằng ông, bà tự nguyện tổ chức đám cưới với nhau vào năm 1989, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông, bà cư trú. Căn cứ vào đơn yêu cầu đề ngày 22 tháng 7 năm 2019 của bà T về việc xác nhận tình trạng hôn nhân, Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã xác nhận là bà T với ông L không đăng ký kết hôn tại cơ quan này. Do đó, có cơ sở xác định là bà T và ông L không đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Đối với yêu cầu của bà T được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Theo khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"* và theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật này quy định thì: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"*. Bà T và ông L chung sống với nhau như vợ chồng, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, theo như quy định trên đây thì nay bà T yêu cầu không công nhận bà với ông L không phải là vợ chồng, là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà T và ông L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông L có hai người con chung tên Quách Tăng Thị P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1990 và Quách Tăng V, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1995, đều trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Tăng Thị T và ông Quách Tấn L là vợ chồng.

2. Về con chung tên Quách Tăng Thị P, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1990 và Quách Tăng V, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1995, đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Tăng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009176 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh